TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày 28 - 4 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng L

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn K và Ông Lê Quang Đ

Thư ký phiên tòa: - Ông Phạm Văn Đ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H: Bà Đỗ Thị Q - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/HSST ngày 17 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo: **N, sinh năm 1998**

Nơi ĐKHKTT: Bản A, xã Đ, huyện N, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B và bà Đ; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà N – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H (có mặt).

Bị hại: Chị H, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Trú tại: Ngách 55/212, phường Đ, quận N, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N là nhân viên phục vụ của quán Karaoke Bolero H có địa chỉ tại khu dân cư mới 113, phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H từ tháng 10 năm 2019. Do là nhân viên làm việc tại quán nên N nắm được mọi hoạt động của từng người trong quán và biết được chị N, sinh năm 1973, HKTT ở ngách 55/212, ngõ A, phường Đ, quận N, thành phố H là nhân viên quản lý của quán thường xuyên để tiền tại khu vực quầy lễ tân. Nên khoảng 03 giờ ngày 15/12/2019 sau khi quán đóng cửa, do thiếu tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân nên N đã từ phòng nghỉ danh cho nhân viên trên tầng 3 đi xuống tầng 1 và đi đến khu vực quầy lễ tân. Lúc này, chị H đang ngủ tại ghế ở phòng khách tầng 1. Thấy vậy, N liền đi đến vị trí ngăn kéo đựng tiền tại quầy lễ tân, N dùng tay phải kéo ngăn kéo ra thì phát hiện thấy bên trong ngăn kéo có một tệp tiền được bó bằng dây chun nịt. N liền dùng tay phải lấy tệp tiền đó và ngồi đếm tại chỗ được số tiền 6.050.000đ. Sau đó, N đóng ngăn kéo lại và cất số tiền 6.050.000đ vừa trộm cắp được vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi đi ra khu vực kho đựng đồ tại tầng 1 thì nhớ ra có một chiếc ví giả da màu đen để tại quầy lễ tân. Nghĩ là bên trong đó có thể có tiền nên N liền quay lại quầy lễ tân để trộm cắp chiếc ví nhưng khi mở ví ra thì không thấy trong ví có tiền hay tài sản gì. Nên N đã cho số tiền 6.050.000đ vào trong ví rồi để cả ví và tiền vào trong ba lô đựng đồ cá nhân của N. Thấy chị H vẫn đang ngủ say nên N đã khoác ba lô đi ra phía cửa sau của quán để bỏ trốn. Nhưng vì trời lạnh nên N đã quay trở lại quán lấy áo rét để mặc thì N phát hiện thấy tại bàn uống nước tầng 1 có một chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám của chị H đang cắm sạc pin. N liền rút chiếc điện thoại ra khỏi dây sạc và cầm điện thoại trên tay đi ra khỏi quán. N đi bộ ra đường Quốc lộ 5A thì bắt xe khách đi về nhà ở huyện N, tỉnh T. Nhưng khi đến địa bàn tỉnh P thì N thay đổi không đi về nhà nữa mà bắt xe khách đến tỉnh T chơi và tiêu sài hết số tiền 2.030.000đ. Sau đó, N nhớ ra trong quán có lắp đặt hệ thống Camera nên không thể che giấu được hành vi của mình. Do vậy, đến chiều ngày 16/12/2019, N đã tự nguyện đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện V đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra quản lý 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám, số tiền 4.020.000đ.

Đến khoảng 04 giờ ngày 15/12/2019, chị H phát hiện bị mất tiền và điện thoại nên đã có đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT – Công an huyện V đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Ngày 17/12/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện V ra Yêu cầu định giá tài sản số 03 yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện V tiến hành định giá đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám; 01 chiếc ví giả da màu đen, có khóa kéo, kích thước (20x2,5)cm.

Bản kết luận định giá tài sản số 51 ngày 24/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám, đã qua sử dụng, đã thu giữ được vật chứng, tại thời điểm định giá ngày 15/12/2019 có giá trị là 4.500.000 đồng; 01 ví giả da màu đen có khóa kéo, kích

thước (20x2,5)cm, đã qua sử dụng, đã thu giữ được vật chứng, tại thời điểm định giá ngày 15/12/2019 có giá trị là 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 4.600.000 đồng.

Ngày 15/01/2020, chị H tự nguyện giao nộp 01 đĩa DVD – R chứa tập Video có tên "XVR-ch5-main-20191215040000-20191215050000" ghi lại hình ảnh N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong vật chứng theo quy định. Ngày 17/01/2020, Cơ quan CSĐT – Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định số 29, yêu cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định việc cắt ghép, chỉnh sửa của đoạn video lưu trong đĩa DVD thu giữ.

Kết luận giám định số 475/C09-P6 ngay 06/02/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp Video gửi giám định.

Quá trình điều tra, bị can N đã tự nguyện trả lại số tiền 2.030.000đ là tiền N trộm cắp của chị H mà đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 25/12/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện V đã trả lại cho chị H nhận lại 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám và số tiền 4.020.000 đồng. Chị H đã nhận đủ tiền, tài sản và không yêu cầu N phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 10/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo N về tội "Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị áp dụng:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện N, tỉnh T nơi bị cáo cư trú, quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thự hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong nên không cần đặt ra để xét.

Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước Cơ quan điều tra và phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đó là các chứng cứ như: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại, lời khai của bị cáo và kết luận giám định…Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 15/12/2019, tại quán Karaoke Bolero H có địa chỉ tại khu dân cư mới 113, phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H, N đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp tiền, điện thoại với tổng giá trị là 10.650.000đồng, gồm số tiền 6.050.000đ và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám trị giá 4.500.000đ, 01 ví giả da màu đen trị giá 100.000đ của chị H thì bị phát hiện và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi độc lập, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản bị cáo đã trộm cắp tiền, điện thoại và ví, với tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 10.650.000đ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là phạm tội. Nhưng với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Nhng cũng xét đến tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, giao nộp tài sản và bồi thường cho bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số, nơi có kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo vì vậy nhận thức của bị cáo có phần hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, áp dụng khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương thì cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

[3] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại chị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 01 chiếc ví và toàn bộ số tiền bị cáo đã trộm cắp. Chị H đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xét.

[5] Về án phí: áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp miễm giảm án phí, lệ phí tòa án. Xét bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, thuộc hộ cận nghèo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, vì vậy Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện N, tỉnh T nơi bị cáo cư trú, quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh H để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị hại vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *VKS, CA huyện V*
- *Bị cáo, Bị hại*
- *Lu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hoàng Lâm